

Số:03/2026/QĐST-KDTM

Gia Lai , ngày 10 tháng 03 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Tuyết

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2025/TLST-KDTM, ngày 24 /10/2025

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn : Công ty TNHH S

Người đại diện hợp pháp; Phạm Văn C, Chức vụ : Giám đốc, có mặt

Địa chỉ: Cụm C, xã T, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Công ty TNHH P1.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn A, chức vụ: Giám đốc, có mặt.

Địa chỉ Lô A, KCN N, Phường A, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH S do ông Phạm Văn C –chức vụ: Giám đốc với Người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH P1 do Nguyễn Văn A –chức vụ: Giám đốc, thống nhất thỏa thuận như sau:

Về số nợ : Công ty TNHH P1 công nhận còn nợ số tiền mua hàng của Công ty TNHH S là 299.000.000đ (Hai trăm chín mươi chín triệu đồng).

Về phương thức trả nợ: Công ty TNHH P1 trả cho Công ty TNHH S QN số tiền mua hàng còn nợ là 299.000.000đ theo phương thức trả làm 06 lần cụ thể:

Lần 1 Ngày 20-5-2026 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Lần 2 Ngày 20-6-2026 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Lần 3 Ngày 20-7-2026 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Lần 4 Ngày 20-8-2026 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Lần 5 Ngày 20-9-2026 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Lần 6 Ngày 20-10-2026 trả 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận thì còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

-Tiền án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH P1 tự nguyện chịu 7.475.000đ (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước. H lại 14.960.000đ tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH S theo biên lai thu tiền số 0004175, ngày 24/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2- Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND Khu Vực 2- Gia lai
- Phòng THADS Khu Vực 2- Gia lai
- Phòng TT-KTNV- THAHS - TAND
tỉnh Gia Lai
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội Đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuy Phước, ngày 09 tháng 9 năm 2022.

Số: 125/2022/QĐST-

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Vĩnh M

2. Bà Phạm Thị Tuyết M1

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2022/TLST-DS, ngày 29 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Đoàn Thế H1, sinh năm 1978

Địa chỉ: A Chung cư S, Hoàng Văn T1, Tp Q, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Công ty Cổ phần X- do Lê Thanh A1 – Giám đốc đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: Thôn D, TT D, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Huỳnh Thị Hồng L, sinh năm 1982; Lê Thanh A1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn D, TT D, huyện T, tỉnh Bình Định.

Thân Thị Thu H2, sinh năm 1985

Địa chỉ: A Chung cư S, Hoàng Văn T1, Tp Q, tỉnh Bình Định.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần X- Lê Thanh A1 – Giám đốc với vợ chồng anh Đoàn Thế H1, Thân Thị Thu H2 và vợ chồng anh Lê Thanh A1, Huỳnh Thị Hồng L thống nhất thỏa thuận như sau:

Công ty Cổ phần X trả cho vợ chồng anh Đoàn Thế H1, Thân Thị Thu H2 số tiền 1.100.000.000đ (Một tỉ một trăm triệu đồng) theo phương thức trả làm 07 lần cụ thể :

Lần 1 Ngày 25-10-2022 trả 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Lần 2 Ngày 25-11-2022 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Lần 3 Ngày 25-12-2022 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Lần 4 Ngày 25-01-2023 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Lần 5 Ngày 25-02-2023 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Lần 6 Ngày 25-3-2023 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Lần 7 Ngày 25-4-2023 trả 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Vợ chồng anh Lê Thanh A1 và Huỳnh Thị Hồng L trả cho vợ chồng anh Đoàn Thế H1, Thân Thị Thu H2 số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) vào ngày 15-10-2022.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận thì còn phải chịu tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

Tiền án phí dân sự sơ thẩm: Công ty Cổ phần X phải chịu 22.500.000đ, vợ chồng anh Lê Thanh A1 và Huỳnh Thị Hồng L phải chịu 1.250.000đ về án phí dân sự sung vào Ngân sách Nhà nước. H lại cho anh Đoàn Thế H1 số tiền 23.250.000đ mà anh H1 đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006184, ngày 29-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Tuy Phước
- CC THADS huyện Tuy Phước
- PKTNVTAND tỉnh Bình Định
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thành viên Hội Đồng xét xử

**Trần Thị Bích Thủy
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh Thâm Phạm Thị Tuyết M1

Trần Thị Bích Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số:125/2019/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuy Phước, ngày 08 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Kim P

2. Ông Nguyễn Ngọc T2

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số : 328/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và

không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Trương văn T4, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T3 với anh Trương văn T4.

Về quan hệ nuôi con chung: Chị T3 và anh T4 thống nhất giao con chung tên là Trương Quốc T5, sinh ngày 10/04/2004 cho chị T3 trực tiếp nuôi dưỡng, hiện con đang ở cùng chị T3. Chị T3 không yêu cầu anh T4 cấp dưỡng nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị T3 và anh T4 không có tài sản chung, không nợ ai nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí hòa giải thành: Chị T3 tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn sung vào ngân sách nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị T3 đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002687, ngày 13 tháng 12 năm 2019 được khấu trừ vào án phí. Nên hoàn lại cho chị T3 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự
- VKSND huyện Tuy Phước
- CC THADS huyện Tuy Phước
- UBND xã Phước Hòa
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**